

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ- PT

Ngày 04 - 3 - 2019

"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Thu Hà

Các Thẩm phán: Ông Trương Huy Huân

Bà Hoàng Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Huy - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang: Ông An Viết Thành - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 về việc: “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 26/2018/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2019/QĐXXPT-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Việt H, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Số nhà 505, đường L, tổ 9, phường T, thành phố A, tỉnh G.

Tạm trú tại: Tổ 1, phường P, thành phố A, tỉnh G.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức B, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Số nhà 505, đường L, tổ 09, phường T, thành phố A, tỉnh G.

Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Việt H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Việt H trình bày: Chị và anh B kết hôn với nhau ngày 28/6/2013, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường T, thành phố A, tỉnh G, cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do mẹ chồng nàng dâu, anh B luôn nghe lời bố mẹ, không chia sẻ với chị

trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày cũng như công việc xã hội, không tạo điều kiện cho chị yên tâm công tác, thậm trí thiếu trách nhiệm với vợ con dẫn tới tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt trầm trọng không thể cải thiện được. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Bị đơn anh B xác nhận thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, hoàn cảnh gia đình như chị H trình bày là đúng. Anh B cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ việc mẹ chồng nàng dâu, chị H thường xuyên mâu thuẫn với mẹ đẻ của anh. Tuy nhiên, anh không phải người chồng vô trách nhiệm như chị H đã trình bày mà ngược lại, anh luôn tạo mọi điều kiện để chị H chuyên tâm công tác xã hội, việc chăm sóc con cái anh đều đảm đương hết, không để chị H phải bận tâm. Chính chị H mới là người không có trách nhiệm với gia đình chồng con, phận làm con nhưng chị H không nhẫn nhịn mà thường xuyên cãi chửi, xúc phạm đến mẹ chồng, nhiều lần anh khuyên can chị H không nghe, mà ngày càng mâu thuẫn trầm trọng với mẹ đẻ của anh dẫn đến tình cảm vợ chồng cũng không thể hàn gắn được. Vì vậy, việc chị H xin ly hôn anh cũng đồng ý, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho vợ chồng anh được ly hôn theo nguyện vọng của đôi bên.

* Về con chung: Chị và anh B có với nhau một con chung là cháu Nguyễn Lâm P, sinh ngày 31/01/2014. Sau khi ly hôn chị H nhận trách nhiệm nuôi cháu P, yêu cầu anh B phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu P mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Anh B xác nhận anh và chị H có một con chung đúng như chị H trình bày nhưng anh cũng có nguyện vọng được nuôi cháu P, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung, công nợ chung: Anh B và chị H cùng xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết.

Tại Bản án số 26/2018/HNGĐ-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang quyết định:

Áp dụng Điều 51; Điều 56, 57 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn Nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Việt H về việc xin ly hôn với Anh Nguyễn Đức B. Xử cho Chị Trần Việt H được ly hôn anh B.

2. Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Lâm P, sinh ngày 31/01/2014 cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P đến khi đủ 18 tuổi. Chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu P.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các bên đương sự.

Trong hạn luật định, ngày 29/11/2018 chị Trần Việt H có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo Bản án số 26/2018/HNGĐ-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cháu Nguyễn Lâm P, sinh năm 2014 cho anh B nuôi dưỡng là không đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho cháu P.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Trần Việt H giữ nguyên kháng cáo.

Anh B không nhất trí với quan điểm của chị H, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 26/2018/HNGĐ-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, giao cháu Nguyễn Lâm P cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật. Xét yêu cầu kháng cáo của chị H là có căn cứ cần chấp nhận, vì cháu P còn nhỏ, cần sự quan tâm trực tiếp từ người mẹ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự sửa một phần Bản án sơ thẩm số 26/2018/DSST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Xét đơn kháng cáo của chị Trần Việt H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, theo yêu cầu của Tòa án, anh Nguyễn Đức B và chị Trần Việt H cung cấp cho Tòa án các tài liệu, giấy tờ chứng minh về điều kiện nuôi con chung. Việc thu thập thêm tài liệu chứng cứ được thực hiện theo quy định tại Điều 252 BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Trần Việt H và anh B xây dựng gia đình với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống anh chị sinh được 01 con chung là cháu Nguyễn Lâm P, sinh ngày 31/01/2014. Do mâu thuẫn vợ chồng chị H đã làm đơn xin ly hôn với anh B. Về quan hệ hôn nhân anh B và chị H thuận tình ly hôn, nhưng có tranh chấp về việc nuôi con chung. Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự thể hiện: Chị Trần Việt H hiện đang công tác tại đội Cảnh sát Thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp - Công an huyện X, có công ăn việc làm ổn định, có mức thu nhập bình quân tại đơn vị là 11.000.000đ (mười một triệu đồng)/ tháng. Chị H chưa có nhà riêng, đang phải thuê nhà ở tại tổ 1, phường P, thành phố A, tỉnh G nhưng chị H có tài sản là quyền sử dụng đối với diện tích 100m² đất ở; địa chỉ thửa đất: Tổ 5, thị trấn V, huyện X, tỉnh G, đã được UBND huyện X cấp GCNQSD đất số AH 942964 ngày 17/7/2007 mang tên người sử dụng đất là Trần Việt H.

Về điều kiện nuôi con của anh B: Anh B đang mở cửa hàng kinh doanh tại thành phố A có Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh ngành nghề ăn uống, hiện tại kinh doanh ổn định, mức thu nhập bình quân theo anh B trình bày là 9.000.000đ (*chín triệu đồng*)/tháng. Anh B chưa có nhà riêng, vẫn ở chung với bố mẹ đẻ của anh B. Trong thời gian Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết việc ly hôn giữa chị H và anh B, cháu Nguyễn Lâm P là con chung của anh chị ở cùng anh B và bố mẹ đẻ của anh B tại tổ 9, phường T, thành phố A. Hàng ngày cháu P được anh B, ông bà nội nuôi dưỡng, đưa, đón đi học được bà con hàng xóm, tổ trưởng tổ dân phố nơi gia đình anh B cư trú xác nhận.

[3] Đối với yêu cầu kháng cáo, chị Trần Việt H đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giao cháu Trần Lâm P cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con:

Về điều kiện nuôi con của chị H và anh B, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định là như nhau là hoàn toàn có cơ sở. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm giao con cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lâm P, với lý do anh B có nhà ở ổn định gần trường học, để không ảnh hưởng và làm xáo trộn việc sinh hoạt, học tập ở trường của cháu P, cháu đang quen môi trường sống, là chưa đảm bảo tính công bằng, chưa bảo vệ quyền lợi cho phụ nữ và đặc biệt là quyền và lợi ích hợp pháp của cháu P. Bởi lẽ, do anh B và chị H chưa có nhà riêng nên trong thời kỳ hôn nhân còn tồn tại vợ chồng anh chị và cháu P ở chung với bố mẹ anh B, trong điều kiện chị H công tác xa nhà anh B và ông bà nội của cháu P cùng giúp đỡ nuôi dưỡng, đưa cháu P đi học là lẽ thường tình, phù hợp với truyền thống văn hóa, đạo đức tốt đẹp của dân tộc Việt Nam về hôn nhân và gia đình. Đối với trường hợp vợ chồng ly hôn mà không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con thì theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án sẽ quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Trong vụ án này, cháu Nguyễn Lâm P, sinh ngày 31/01/2014 tại thời điểm xét xử sơ thẩm cháu P chưa đủ 5 tuổi, tuy rằng độ tuổi của cháu không thuộc trường hợp pháp luật bắt buộc phải giao con cho người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng (trừ trường hợp người mẹ không có đủ điều kiện nuôi con) nhưng ở lứa tuổi này cháu vẫn còn quá nhỏ và rất cần sự quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp của người mẹ và chị H là người có đủ điều kiện nuôi con, có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu.

Tại khoản 4 Điều 2 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm..... giúp đỡ các bà mẹ thực hiện tốt chức năng cao quý của người mẹ*”. Như vậy, việc giao con cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục không chỉ đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho cháu P mà còn giúp đỡ chị H thực hiện tốt thiên chức cao cả của người mẹ là được trực tiếp nuôi dưỡng, dạy dỗ con cái, điều đó hoàn toàn phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình nên nội dung kháng cáo của chị H về việc được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P là có căn cứ. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang là đúng quy định của pháp luật cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 293, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận đơn kháng cáo của chị Trần Việt H sửa một phần Bản án sơ thẩm số 26/HNGĐ-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang.

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn Nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lâm P, sinh ngày 31/01/2014 cho chị Trần Việt H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Trần Việt H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho chị H số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Giang ngày 11/12/2018 theo Biên lai thu số BB/2013/01047.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THA DS TP Hà Giang;
- TAND TP Hà Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Thị Thu Hà